

Số: 762/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Kế Toán – Tài chính đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 224 sinh viên, cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 25 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 2015 – 2019	K58 2016-2020	K59 2017 – 2021	K60 2018 – 2022	Cộng
1	Kế toán	02	01	171		174
2	Tài chính – Ngân hàng		01	48	01	50

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K56 2014 – 2017	K57 2015 – 2018	K58 2016-2019	K59 2017 – 2020	K60 2018 – 2021	Cộng
1	Kế toán	01	01	03	04	16	25



Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Kế Toán – Tài chính và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pí Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021
 Theo Quyết định số 762 /QĐ-ĐHNT ngày 19 tháng 8 năm 2021
 Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130040	Đặng Phương Trinh	05/05/1997	Thanh Hóa	Nữ	Khá	57.KT-2	2015-2019
2	57137391	Nguyễn Hoàng Anh Thy	21/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.KT-3	2015-2019
3	58130823	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	05/12/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	58.KT-1	2016-2020
4	59130029	Nguyễn Thị Việt Anh	03/02/1999	Thanh Hóa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
5	59130165	Trần Thị Kim Châu	08/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
6	59130157	Hồ Thị Linh Châu	08/08/1999	Quảng Trị	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
7	59139151	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	26/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
8	59130467	Nguyễn Thanh Thảo Duyên	24/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
9	59134062	Lê Thị Kim Giang	02/12/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
10	59130691	Hà Thanh Hiền	13/10/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
11	59130787	Huỳnh Thị Mỹ Hoan	25/04/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
12	59136055	Ngô Thị Huệ	17/03/1999	Nghệ An	Nữ	Giỏi	59.KT-1	2017-2021
13	59130981	Huỳnh Lê Ngọc Huyền	25/10/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
14	59131102	Lê Thị Hiếu Kiên	06/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
15	59131366	Nguyễn Hoàng Trúc Ly	30/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
16	59136142	Phạm Thị Mơ	24/05/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
17	59131446	Nguyễn Thị Thảo My	22/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
18	59131507	Phạm Thị Hồng Nga	23/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
19	59131606	Trương Nguyễn Bảo Ngọc	17/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
20	59131733	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	23/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
21	59131788	Nguyễn Hồng Tuyết Nhung	08/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
22	59131969	Nguyễn Thị Phượng	22/08/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
23	59132075	Nguyễn Như Quỳnh	12/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
24	59132307	Trương Nhật Thảo	17/09/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
25	59132389	Nguyễn Phước Thiện	04/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
26	59132442	Nguyễn Thị Bích Thoan	25/02/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
27	59132452	Nguyễn Thị Thanh Thơm	10/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
28	59132447	Nguyễn Thị Thơm	08/01/1999	Nghệ An	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
29	59132461	Trần Ngọc Thống	20/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
30	59132530	Nguyễn Xuân Thương	19/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
31	59132704	Dư Thị Ngọc Trâm	06/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
32	59132758	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
33	59132733	Ngô Thị Thu Trang	01/09/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
34	59132886	Nguyễn Thành Trung	14/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.KT-1	2017-2021
35	59133008	Võ Thị Kim Tuyền	20/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
36	59133022	Đỗ Thị Ngọc Tuyết	12/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
37	59136304	Phạm Tàn Kim Ty	28/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-1	2017-2021
38	59133076	Nguyễn Thị Thanh Vân	08/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
39	59133135	Trần Nguyễn Phi Việt	20/02/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KT-1	2017-2021
40	59133128	Phan Huỳnh Việt	28/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-1	2017-2021
41	59130035	Hồ Thị Việt Anh	12/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
42	59130464	Nguyễn Huỳnh Ánh Duyên	16/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
43	59130496	Lê Trịnh Khuong Giang	19/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
44	59130517	Nguyễn Thị Hà	16/10/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
45	59130588	Mai Thị Hằng	27/12/1999	Thái Bình	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
46	59130665	Hà Thị Thanh Hiền	16/03/1999	Thừa Thiên Huế	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
47	59131053	Thị Thị Ngọc Khánh	10/09/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
48	59131122	Nguyễn Thị Bích Kiều	10/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
49	59131293	Nguyễn Thị Hồng Loan	01/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
50	59131445	Mai Tiểu My	22/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
51	59131465	Huỳnh Thị Hòa Mỹ	24/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
52	59131701	Trần Thị Nhi	21/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
53	59131710	Phan Hoàng Yến Nhi	12/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
54	59131784	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	11/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
55	59131955	Ngô Minh Phương	06/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021

Handwritten signature or mark.

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
56	59132026	Nguyễn Tô Lệ Quyên	05/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
57	59132042	Nguyễn Thị Quyên	20/03/1997	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
58	59132082	Chiêm Hương Quỳnh	16/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
59	59132179	Phan Thị Thanh Tâm	04/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
60	59132264	Lê Thị Thanh Thanh	05/05/1999	Quảng Trị	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
61	59132270	Ngô Thị Phương Thanh	24/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
62	59132364	Nguyễn Thị Bích Thi	12/09/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
63	59132462	Lê Thị Thu	15/02/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
64	59132475	Phạm Thị Anh Thư	24/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
65	59132481	Võ Thị Thanh Thư	20/12/1998	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
66	59132499	Bùi Nguyễn Thị Anh Thư	02/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
67	59132576	Nguyễn Thị Bích Thủy	22/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
68	59132593	Đặng Ngọc Thủy Tiên	26/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
69	59132600	Thành Thị Cẩm Tiên	20/06/1999	Ninh Thuận	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
70	59132686	Nguyễn Quốc Bảo Trâm	12/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
71	59132724	Trần Quỳnh Trang	07/02/1999	Hà Tây	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
72	59132737	Huỳnh Thị Ánh Trang	26/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
73	59132760	Nguyễn Thị Thu Trang	12/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
74	59132819	Cao Thị Tố Trinh	13/04/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
75	59133058	Trần Tú Uyên	17/11/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
76	59133104	Nguyễn Tường Vi	30/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
77	59133119	Nguyễn Thị Tuyết Viên	03/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-2	2017-2021
78	59133193	Nguyễn Thị Thảo Vy	26/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-2	2017-2021
79	59130062	Nguyễn Thị Kim Anh	24/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
80	59130198	Đinh Thùy Chương	14/02/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
81	59130304	Nguyễn Phương Diễm	05/10/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
82	59130385	Nguyễn Phúc Thùy Dung	26/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.KT-3	2017-2021
83	59130458	Nguyễn Thị Thùy Duyên	06/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
84	59130475	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	26/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021

15

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
85	59130568	Phạm Thanh Hân	01/07/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
86	59130644	Nguyễn Hoàng Hào	16/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
87	59130667	Nguyễn Thị Hiền	04/06/1998	Bình Định	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
88	59130687	Nguyễn Thu Hiền	21/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
89	59131136	Trần Thị Thiên Kim	28/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.KT-3	2017-2021
90	59131292	Nguyễn Thị Kim Loan	30/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
91	59131464	Nguyễn Thị Bích Mỹ	25/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
92	59169370	Hoàng Thị Nga	02/11/1999	Cao Bằng	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
93	59131535	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
94	59131537	Nguyễn Thị Phương Ngân	13/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
95	59131755	Lê Hồng Như	29/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.KT-3	2017-2021
96	59131757	Nguyễn Quỳnh Như	27/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
97	59132027	Phan Mỹ Quyên	28/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
98	59132335	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
99	59136094	Trương Thị Kim Thi	30/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.KT-3	2017-2021
100	59132432	Nguyễn Thị Kim Thoa	12/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
101	59132497	Đỗ Thị Minh Thư	29/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
102	59132652	Nguyễn Thị Toàn	12/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
103	59132745	Phạm Thị Kiều Trang	08/05/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
104	59136220	Nguyễn Thu Trang	19/03/1999	Thanh Hóa	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
105	59132804	Nguyễn Thị Bích Triêm	09/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
106	59132838	Đặng Ngọc Tú Trinh	10/05/1999	Thái Bình	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
107	59133109	Lê Thị Mỹ Vi	17/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-3	2017-2021
108	59133123	Trần Lam Viên	17/12/1999	Gia Lai	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
109	59133188	Hồ Trúc Vy	16/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-3	2017-2021
110	59130307	Lê Thị Mỹ Diễm	17/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-4	2017-2021
111	59130526	Trần Thị Thu Hà	06/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
112	59130699	Hồ Minh Hiền	22/12/1999	Bình Định	Nam	Khá	59.KT-4	2017-2021
113	59130729	Trần Thị Trung Hiếu	05/03/1999	Bình Dương	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
114	59130693	Trần Huỳnh Thanh Hiền	18/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
115	59130784	Hứa Thị Thanh Hoài	27/03/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
116	59136139	Trương Thị Thanh Hồng	18/08/1999	Gia Lai	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
117	59130912	Lê Thị Xuân Hường	20/02/1999	Ninh Thuận	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
118	59130916	Lê Thị Xuân Hường	20/02/1999	Ninh Thuận	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
119	59131294	Võ Thị Thùy Loan	08/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.KT-4	2017-2021
120	59134139	Bùi Thị Hiếu Ly	20/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
121	59131404	Nguyễn Thị Tiểu Mi	11/06/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KT-4	2017-2021
122	59131532	Lê Thị Thu Ngân	07/10/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
123	59131552	Nguyễn Thị Thu Ngân	29/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-4	2017-2021
124	59131723	Diệp Phương Nhi	07/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
125	59131821	Nguyễn Thị Thu Oanh	19/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
126	59131968	Đỗ Nguyên Phương	01/11/1999	Bình Phước	Nữ	Trung bình	59.KT-4	2017-2021
127	59132234	Lê Thị Thắm	10/12/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.KT-4	2017-2021
128	59132434	Trần Thị Kim Thoa	02/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-4	2017-2021
129	59132437	Nguyễn Thị Thu Thò	29/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.KT-4	2017-2021
130	59132575	Hồ Như Thùy	10/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KT-4	2017-2021
131	59132377	Nguyễn Thị Hà Trang	15/07/1999	Hà Nam	Nữ	Trung bình	59.KT-4	2017-2021
132	59132738	Trần Thị Thùy Trang	27/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
133	59132748	Trần Thị Kim Trang	22/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
134	59132845	Nguyễn Ngọc Thảo Trinh	07/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
135	59132932	Đào Thị Thanh Tú	15/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KT-4	2017-2021
136	59130041	Lê Vũ Chiêu Anh	23/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
137	59130048	Trịnh Minh Anh	16/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
138	59130063	Nguyễn Thị Minh Anh	27/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
139	59130614	Cao Thị Hằng	02/05/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
140	59136280	Nguyễn Thu Hằng	29/09/1998	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.KIT	2017-2021
141	59130664	Thái Thị Hiền	18/07/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
142	59130674	Phạm Thị Ngọc Hiền	20/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021

HC

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
143	59130772	Bùi Thị Hòa	01/11/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
144	59131017	Lê Thế Khải	13/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KIT	2017-2021
145	59131050	Phan Thị Như Khánh	09/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
146	59131121	Đặng Thị Thúy Kiều	28/10/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
147	59131173	Nguyễn Thị Hoàng Lan	09/11/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.KIT	2017-2021
148	59131215	Trần Khánh Linh	27/09/1999	Hải Phòng	Nữ	Giỏi	59.KIT	2017-2021
149	59131422	Nguyễn Thái Hoàng Minh	26/09/1999	Lâm Đồng	Nam	Khá	59.KIT	2017-2021
150	59131437	Trần Thị My My	31/08/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
151	59131539	Đặng Thanh Ngân	20/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
152	59131542	Lê Thị Kim Ngân	20/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
153	59131562	Lê Thị Tú Nghi	22/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
154	59131654	Trương Tôn Minh Nguyệt	28/05/1999	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59.KIT	2017-2021
155	59131756	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	27/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
156	59131767	Nguyễn Thị Quỳnh Như	28/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
157	59131770	Hồ Thị Hồng Như	05/09/1999	Đắk Lắk	Nữ	Giỏi	59.KIT	2017-2021
158	59131814	Nguyễn Thị Tố Nữ	15/06/1999	Gia Lai	Nữ	Trung bình	59.KIT	2017-2021
159	59131834	Nguyễn Thị Phấn	17/02/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.KIT	2017-2021
160	59131978	Đoàn Thị Ánh Phượng	01/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
161	59132031	Phạm Đào Anh Quyên	11/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
162	59132089	Nguyễn Xuân Quỳnh	18/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
163	59132189	Phạm Nguyệt Diệu Tâm	30/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
164	59132195	Trần Thị Thanh Tâm	20/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
165	59132341	Nguyễn Thị Thanh Thảo	22/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
166	59132345	Bùi Thị Phương Thảo	15/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
167	59132369	Lưu Khánh Thi	04/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
168	59132423	Phan Thị Xuân Thơ	17/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.KIT	2017-2021
169	59132569	Đặng Trần Như Thùy	21/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
170	59132749	Trần Thị Quỳnh Trang	04/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
171	59132783	Trần Thị Thúy Trang	19/11/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
172	59132795	Đỗ Thành Trí	12/02/1997	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.KIT	2017-2021
173	59132820	Phạm Nguyễn Hiền Trinh	09/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.KIT	2017-2021
174	59133248	Võ Khánh Yên	20/09/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.KIT	2017-2021

Danh sách có 174 sinh viên

2. Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58130840	Đoàn Thị Phụng	14/12/1998	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	58.TCNH	2016-2020
2	59130478	Nguyễn Trần Mỹ Duyên	17/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
3	59130241	Võ Thanh Đan	06/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
4	59130334	Nguyễn Tâm Đoan	13/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.TCNH-1	2017-2021
5	59130514	Nguyễn Thị Thu Hà	13/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
6	59130569	Nguyễn Vũ Khả Hân	04/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
7	59136270	Lê Tấn Hiền	03/11/1997	Bình Định	Nam	Khá	59.TCNH-1	2017-2021
8	59130891	Trần Thị Thu Hương	05/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.TCNH-1	2017-2021
9	59130987	Trần Thanh Huyền	28/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.TCNH-1	2017-2021
10	59131141	Nguyễn Thị Hồng Kỳ	16/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
11	59131223	Phạm Thị Yến Linh	19/11/1999	Quảng Nam	Nữ	Khá	59.TCNH-1	2017-2021
12	59136127	Văn Nhật Thùy Linh	17/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
13	59131297	Phan Thị Kim Loan	25/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
14	59131642	Nguyễn Thị Nguyệt	02/03/1999	Nghệ An	Nữ	Giỏi	59.TCNH-1	2017-2021
15	59136263	Lê Minh Nhân	06/05/1999	Gia Lai	Nam	Khá	59.TCNH-1	2017-2021
16	59131735	Phan Thị Thùy Nhiên	12/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
17	59131796	Nguyễn Hồ Hồng Nhung	20/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
18	59132073	Đàm Thị Trúc Quỳnh	08/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
19	59132186	Phan Thành Tâm	28/02/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
20	59132579	Bùi Thị Thanh Thủy	27/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.TCNH-1	2017-2021
21	59132583	Nguyễn Thị Ngọc Thuyền	10/02/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
22	59132927	Nguyễn Thanh Tú	06/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.TCNH-1	2017-2021
23	59132924	Lê Thị Cẩm Tú	21/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
24	59136181	Nguyễn Thị Kỳ Vy	20/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-1	2017-2021
25	59130300	Nguyễn Thị Thùy Diễm	22/10/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
26	59130402	Trần Việt Dũng	18/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
27	59130473	Đặng Thị Thùy Duyên	02/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
28	59130246	Lê Hải Đăng	22/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
29	59130839	Đinh Thu Hồng	17/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
30	59136300	Lê Thị Kim Huệ	28/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
31	59130944	Huỳnh Quang Huy	24/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
32	59130930	Lê Nguyên Huy	08/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
33	59131002	Ngô Thục Hy	12/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
34	59131044	Nguyễn Nhật Khánh	26/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
35	59131408	Đặng Thị Hồng Min	24/03/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.TCNH-2	2017-2021
36	59131571	Lưu Thị Nghĩa	22/09/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
37	59131722	Trần Thị Ánh Nhi	18/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
38	59131745	Trịnh Thị Quỳnh Như	04/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
39	59131758	Lê Thị Huỳnh Như	10/06/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
40	59132022	Nguyễn Thị Mỹ Quý	18/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
41	59132269	Huỳnh Ngọc Đan Thanh	13/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.TCNH-2	2017-2021
42	59132325	Đoàn Ngọc Thảo	12/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.TCNH-2	2017-2021
43	59136191	Trần Thị Kim Thoa	17/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.TCNH-2	2017-2021
44	59136223	Huỳnh Thị Thoa	02/08/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
45	59132615	Lương Ngô Minh Tiến	10/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
46	59132687	Hà Bảo Thùy Trâm	03/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
47	59133073	Nguyễn Thị Hồng Vân	22/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
48	59133227	Đoàn Ngọc Thanh Xuân	25/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.TCNH-2	2017-2021
49	59133240	Trần Phan Như Ý	08/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.TCNH-2	2017-2021
50	60136663	Hồ Thị Thu Quyên	07/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.TCNH-1	2018-2022

Danh sách có 50 sinh viên

Handwritten signature



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021

Theo Quyết định số 762 /QĐ-ĐHNT ngày 19 tháng 8 năm 2021

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

Kế toán

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56162739	Tô Thị Khánh Nhật	26/10/1996	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	56C.KT-1	2014-2017
2	57165002	Lê Phương Bảo Khanh	26/03/1997	Khánh Hòa	Nữ	Khá	57C.KT-1	2015-2018
3	58160339	Trần Quỳnh Giao	12/12/1998	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	58C.KT-1	2016-2019
4	58160459	Vũ Ngọc Như Thắm	28/02/1998	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	58C.KT-1	2016-2019
5	58161199	Cao Thị Thanh Thi	06/09/1998	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	58C.KT-1	2016-2019
6	59160519	Ngô Thị Tuyết Ti	15/12/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
7	59160550	Trương Băng Tuyền	13/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-1	2017-2020
8	59160411	Tổng Khánh Linh	30/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020
9	59160489	Nguyễn Thị Thanh Thắm	06/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.KT-2	2017-2020
10	60161139	Nguyễn Thị Thương	20/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-1	2018-2021
11	60162396	Nguyễn Ngọc Trinh	18/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-1	2018-2021
12	60162304	Nguyễn Thị Thu Hoài	10/09/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.KT-2	2018-2021
13	60160687	Lê Thu Ngân	31/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-2	2018-2021
14	60160956	Ngô Hà Sang	06/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-2	2018-2021
15	60161011	Phùng Băng Thân	12/08/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.KT-2	2018-2021
16	60161497	Phạm Trần Kim Hậu	20/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
17	60160348	Vạng Mỹ Hoa	24/10/2000	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
18	60161790	Phạm Thị Kim Hồng	03/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
19	60160667	Nguyễn Thị Phương Na	29/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
20	60160806	Bùi Thị Tố Như	07/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
21	60161538	Nguyễn Thị Mỹ Quỳnh	20/11/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
22	60160959	Trần Thị Thu Sang	11/05/1998	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
23	60161247	Võ Huyền Trân	01/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
24	60162397	Trương Nhật Trinh	23/05/1999	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021
25	60161396	Trần Thị Thu Uyên	29/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.KT-3	2018-2021

Danh sách có 25 sinh viên